

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
Tuần 7: từ ngày 28/09/2026 đến ngày 04/10/2026

THỨ LỚP		Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6	
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY											
K11-DVTY P.E303	Sáng	DD và thức ăn CN (Phượng)	2	Dược lý (Duyên)	4	Dược lý (Duyên)	4	Giống vật nuôi (Vân)	2		
		Giống vật nuôi (Vân) B101	2	B101		B101		Dược lý (Duyên) B101	2		
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hưng)</i>	1	Giải phẫu SLVN (Hằng)	4	Tin học (Trường)	4	GD Chính trị (Quế)	4	Tiếng Anh (Linh)	4
		Giải phẫu SLVN (Hằng)	3			TH 3					
K12-DVTY P.E303	Sáng										
		<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>	1	Giải phẫu SLVN (Hằng)	4	Tin học (Trường)	4	GD Chính trị (Quế)	4	Tiếng Anh (Linh)	4
	Chiều	Giải phẫu SLVN (Hằng)	3			TH 3					
K10-KTDN P.E305	Sáng	Kế toán DN 2 (Dung) CSĐT	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	Kế toán DN 2 (Dung)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	Kế toán DN 2 (Dung)	4
				CSĐT		E305		CSĐT		E305	
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thúy)</i>	1	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4	Kế toán DN 2 (Dung)		TH KT trong DNSX (Mai) E203	4
		Kế toán DN 2 (Dung) E203	3	E203		E203		E203			
K11-KTDN P.E305	Sáng	Lý thuyết TCTT (C.Thảo)	4	Lý thuyết TCTT (C.Thảo)	4	Kế toán DN 2 (Dung)	4			Kế toán DN 2 (Dung)	4
						E305				E305	
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thúy)</i>	1	Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Tin học (Trường)	4	GD Chính trị (Quế)	4	Tiếng Anh (Linh)	4
		Kế toán DN 2 (Dung) E203	3			TH 3					
K12-KTDN P.E305	Sáng	Lý thuyết TCTT (C.Thảo)	4	Lý thuyết TCTT (C.Thảo)	4						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thúy)</i>	1	Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Tin học (Trường)	4	GD Chính trị (Quế)	4	Tiếng Anh (Linh)	4
		Kỹ năng mềm (Sơn)	3			TH 3					
K12-ĐCN P.E203 Ghép với ĐCN66B2	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i>	1	Pháp luật (Huyền)	4	An toàn điện (Hoà)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	Chính trị (Tài)	4
		Thiết bị điện GD (Giáp)	3								
	Chiều										
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY											
TT65A1 P.TH	Sáng										
		<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i>	1	Phòng trừ dịch hại (Triệu)	4	Cây dược liệu (Huệ)	4	Cây rau (Lịch)	4	Bệnh cây chuyên khoa	4
	Chiều	Khí tượng NN (Huyền)	3								
TT66A1 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i>	1	Sinh lý thực vật (Huệ)	4	Giống cây trồng (Huyền)	4	Tiếng anh (Linh)	4	Côn trùng ĐC (Lịch)	2
		Chính trị (Quế)	3							Tin học (Thoa) P.TH2	2
	Chiều										

CN65A1 P.B306	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lệ) 1 KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 3	Luật thú y (Nga) 2 Trồng trọt cơ bản (Lịch) 2	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (Hàng Nga) 4	Nuôi và PTB cho lợn (Hung) 4	KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 4
CN65A3 P.B206	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Vân) 1 Trồng trọt cơ bản (Huệ) 3	KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 4	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (P. Phương) 4	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (P. Phương) 4	Nuôi và PTB cho lợn(Hàng Nga) 4
CN66A1 P.B306	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huyền) 1 GD QP-AN (Mạnh) 3	Giải phẫu SLVN (Hàng) 4	Kỹ Thuật truyền giống (Hàng) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4	GD Chính trị (Quế) 4
	Chiều					
CN66A3 P.B206	Sáng	Sinh hoạt lớp (Duyên) 1 Dược lý thú y (Duyên) 3	Giải phẫu SLVN (H.Nga) 4	Kỹ Thuật truyền giống (Lệ) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4
	Chiều					
LN65A P.B102	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Bảo vệ rừng (Tuyệt) 3	Khai thác gỗ, tre, nứa (Hùng) 4	Trồng và chăm sóc rừng (Hùng) 4	Bảo vệ rừng (Tuyệt) 4	Trồng cây công nghiệp (Thọ) 4
KTDN65A1 P.E203	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Dung) 1 Kế toán DN 2 (Dung) 3	TH KT trong DNSX (Mai) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4
KTDN65A2 P.E304	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (C.Thảo) 1 Thuế (Cao Thảo) 3	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo) 4	Kế toán NS xã, phường (Hoa) 4	Thuế (Cao Thảo) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4
KTDN65B CSDT	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) 1 KT NS xã, phường (T Thảo) 3	Thống kê DN (Dung) 4	Thống kê DN (Dung) 4	Kế toán DN 2 (Mai) 4	Thực hành KT trong DNSX 4
KTDN66A1 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Thúy) 1 Tiếng anh (Linh) 3	Tiếng anh (Linh) 4	Nguyên lý thống kê (Hoa) 4	Lý thuyết TCTT (C.Thảo) 4	Lý thuyết KT (C. Thảo) 4
	Chiều					
KTDN66B CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Mai) 1 Lý thuyết TCTT (Ng. Mai) 3	Tin học (Quang) 4	GD thể chất (Quang) 4	Lý thuyết KT (T.Thảo) 4	Tiếng Anh (T.Nhung) 4
	Chiều					
CNTT65A1 TH1	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) 1 QT CSDL với Access(Phuong) 3	XD phần mềm QL bán hàng (Hà) 4	QT CSDL với Access (Phuong) 4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 4	Lập trình Window (Thảo) 4
CNTT65A2 TH2	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Phương) 1 XD phần mềm QL bán hàng (Hà) 3	QT CSDL với Access (Phương) 4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 4	QT CSDL với Access(Phuong) 4	Lắp ráp và BTMT (Trường) 4

CNTT66A1 TH1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tâm) Tin học (Tâm) 1 3	Cấu trúc máy tính (Hà) 4	Tin học VP (Phương) 4	Kỹ năng mềm (Sơn) E303 4	Tiếng anh (Linh) E303 4
	Chiều					
CNTT66A2 TH2	Sáng	Sinh hoạt lớp (Sơn) Tin học VP (Phương) 1 3	Tiếng anh (K.Nhung) PTHT1 4	Cấu trúc máy tính (Hà) 4	Tin học VP (Phương) 4	GD thể chất (Hội) 4
	Chiều					
CNTT66A3 P.TH3	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hoa) Cấu trúc máy tính (Hà) 1 3	Kỹ năng mềm (Hoa) E303 4	Tiếng anh (Linh) E303 4	Tin học (Ngọc) 4	Tin học VP (Phương) 4
	Chiều					
CNTT66A5 P.TH Tầng 1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Phương) Kỹ năng mềm (Sơn) 1 3	Tin học (Phương) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Cấu trúc máy tính (Hà) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4
	Chiều					
CNTT66A4 CSĐT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Quang) Cấu trúc máy tính (Quang) 1 3	Tin học (Quang) 4	GD thể chất (Quang) 4	Tin học VP (Tâm) 4	Tiếng Anh (T.Nhung) 4
	Chiều					
ĐCN65A1 P.E104	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Đ. Đức) KTML và ĐHKK (Giáp) 1 3	Cung cấp điện (H. Anh) 4	Thiết bị điện GD (Tuấn) 4	KTML và ĐHKK (Giáp) 4	Cung cấp điện (H. Anh) 4
ĐCN65A2 P.E103	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Tiến) Cung cấp điện (P. Anh) 1 3	KTML và ĐHKK (Giáp) 4	Kỹ thuật điện tử (P. Anh) 4	Cung cấp điện (P.Anh) 4	KTML và ĐHKK (Giáp) 4
ĐCN65B2 P.E102	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (H.Anh) Trang bị điện (Dương) 1 3	Kỹ thuật điện tử (Tuấn) 4	Thiết bị điện GD (Huân) 4	Trang bị điện (Dương) 4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn) 4
ĐCN65B3 P.E101	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Nga) Trang bị điện (Nga) 1 3	Trang bị điện (Nga) 4	Kỹ thuật điện tử (Dương) 4	Thiết bị điện GD (Tuấn) 4	Kỹ thuật điện tử (Dương) 4
ĐCN 65B1 CSĐT	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Ng. Đức) Thiết bị điện GD (Huân) 1 3	Trang bị điện (Đ. Đức) 4	Trang bị điện (Đ. Đức) 4	Kỹ thuật điện tử (Nga) 4	Kỹ thuật điện tử (Nga) 4
ĐCN66A1 P.E301	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huyền) An toàn điện (Huyền) 1 3	Chính trị (Tài) 4	GD thể chất (Thúy) 4	Thiết bị điện GD (Đ.Đức) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền) 4
	Chiều					
ĐCN66A2 P.E204	Sáng	Sinh hoạt lớp (Tuấn) Thiết bị điện GD (Tuấn) 1 3	Chính trị (Quế) 4	GD QP-AN (Mạnh) 4	An toàn điện (Huyền) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà) 4
	Chiều					
ĐCN66A3 P.E201	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hoà) An toàn điện (Hoà) 1 3	GD QP-AN (Mạnh) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền) 4	Pháp luật (Huyền) 4	Thiết bị điện GD (Dương) 4
	Chiều					

ĐCN66A4 P.E202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P. Anh)</i> An toàn điện (P. Anh)	1 3	GD thể chất (Hà)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4
	Chiều										
ĐCN66B2 P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> Thiết bị điện GD (Giáp)	1 3	Pháp luật (Huyền)	4	An toàn điện (Hoà)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	Chính trị (Tài)	4
	Chiều										
ĐCN 66B1 CSDT	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> An toàn điện (Ng. Đức)	1 3	GD thể chất (Quang)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
	Chiều										
CBBQ65	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Chế biến nước mắm (Liên)	1 3	Chế biến lạnh đông TS (Năm)	4	Kỹ thuật điện (Năm)	4	Chế biến nước mắm (Liên)	4	Quản lý chất lượng thủy sản	4
NTTS 66	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> Thủy sinh vật (Ánh)	1 3	GD thể chất (Quang)	4	ATLĐ trong nuôi thủy sản (Liên)	4	Khảo sát TKCT nuôi thủy sản (Ánh)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
	Chiều										
KTMTT65	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Tự động MTT (Đồng)	1 3	Động cơ đốt trong (Đồng)	4	BD, SC thiết bị trên boong (Trung)	4	Khai thác máy phụ tàu thủy (Đồng)	4	Luật hàng hải (Trung)	4
KTMTT 66	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Vẽ kỹ thuật (Trung)	1 3	GD thể chất (Quang)	4	Môi trường và bảo vệ MT thủy (Ánh)	4	Lý thuyết tàu (Trung)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
	Chiều										
DKTB65	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> Tiếng anh CN (T.Nhung)	1 3	Khai thác vận hành MTT (Trung)	4	Khí tượng hải dương (Tiến)	4	Khai thác vận hành MTT (Trung)	4	Tin học hàng hải (Quang)	4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN											
THỨ LỚP		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật	
TT65A2	Sáng	Cây dược liệu (Thọ)			4	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> Bệnh cây chuyên khoa (Huyền)		1 3		Cây rau (Huyền)	4
P.B102	Chiều	Chế biến bảo quản STH (Bình)			4	Khí tượng nông nghiệp (Huyền)		4		Côn trùng đại cương (Huệ)	4
CN65A2	Sáng	Trồng trọt cơ bản (Bình)			4	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> Ký sinh trùng TY (Phượng)		1 3		Luật thú y (P. Nga)	4
CN66A2							P.B103				
P.B101	Chiều	CĐ và ĐTH thú y (Vân)			4	Quản trị kinh doanh (Thủy)		4	P.B103	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 28/09/2026 đến ngày 04/10/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH64B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hằng)</i> Vật lý (Sơn) 1 3	Hoá (Doan) Lịch sử (Hà) 2 2	Văn (Hằng) CĐ Văn (Hằng) 3 1	GDKTPL (Đ.Thuý) Địa lý (Thuý) 2 2	Toán (Nhưng) 4
VH64B3 B301	Sáng	<i>Sinh hạt lớp (Vân)</i> Hoá học (Vân) 1 3	GDKTPL (Đ.Thuý) Vật lý (Hoà) 2 2	Toán (Quý) 4	Văn (Hường) CĐ Văn (Hường) 3 1	Lịch sử (Dự) 4
VH64B4 B302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> Địa lý (Nga) CĐ Địa lý (Nga) 1 2 1	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Lý) Vật lý (Hoà) 2	Hoá học (Hà) GDKTPL (Chính) 2 2	Văn (H.Hà) CĐ Văn (H.Hà) 3 1
VH64B5 B303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dự)</i> GD KTPL (Nga) 1 3	Lịch sử (Dự) 4	Văn (Hường) CĐ Văn (Hường) 3 1	Vật lý (Hoà) Hoá học (Hà) 2 2	Toán (Dương) 4
VH64B6 B304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Hà)</i> Văn (H.Hà) 1 3	Toán (Quý) 4	Hoá học (Hà) 4	CĐ Địa lý (Lực) 4	GDKTPL (Nga) 4
VH64B8 B305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phiên)</i> Sinh học (Phượng) 1 3	GDKTPL (Thắm) 4	Hoá (Vân) Lịch sử (Lý) 2 2	Văn (Hằng) CĐ Văn (Hằng) 3 1	Toán (Quý) 4
VH65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Thuý)</i> GDKTPL (Đ.Thuý) CĐGDKTPL (Đ.Thuý) 1 2 1	Lịch sử (Hà) Hoá (Doan) 2 2	Toán (Hương) 4	Địa lý (Thuý) Vật lý (Sơn) 2 2	Văn (Hằng) CĐ Văn (Hằng) 3 1
VH65B2 B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> Vật lý (Hoà) 1 3	Toán (Dương) 4	GDKTPL (Đ.Thuý) Địa lý (Nga) 2 2	Văn (H.Hà) CĐ Văn (H.Hà) 3 1	CĐ GD KTPL (Thuý) Hoá học (Vân) 2 2
VH65B3 B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Quý)</i> Toán (Quý) 1 3	Hoá (Vân) Địa lý (Nga) 2 2	GDKTPL (Chính) CĐGDKTPL (Chính) 3 1	Văn (Ngô Hà) CĐ Văn (Ngô Hà) 3 1	Vật lý (Hoà) 4
VH65B5 B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lực)</i> Địa lý (Lực) 1 3	Vật lý (Trung) Sinh (Phượng) 2 2	Văn (Ngô Hà) CĐ Văn (Ngô Hà) 3 1	Lịch sử (Dự) GDKTPL (Nga) 2 2	Toán (Quảng) 4
VH65B6 B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thắm)</i> Vật lý (Trung) 1 3	Sinh học (Phượng) Địa lý (Lực) 2 2	Sinh học (Phượng) GDKTPL (Thắm) 2 2	Toán (Quý) CĐGDKTPL (Thắm) 2 2	Văn (Ngô Hà) CĐ Văn (Ngô Hà) 3 1
VH65B7 B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> GDKTPL (Chính) 1 3	Văn (Hường) CĐ Văn (Hường) 3 1	Địa lý (Lực) Sinh học (Phượng) 2 2	Sinh học (Phượng) Toán (Quý) 2 2	Vật lý (Trung) 4

VH65B8 B204	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hường) Văn (Hường)	1 3	GDKTPL (Chính) CĐ GDKTPL (Chính)	3 1	Toán (Dương) 	4 	Sinh học (Hồng) Hoá học (Vân)	2 2	CĐ Văn (Hường) Sinh học (Hồng)	2 2
VH65B9 B205	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hồng) Sinh học (Hồng)	1 3	Địa lý (Nga) Hoá học (Vân)	2 2	Văn (H.Hà) CĐ Văn (H.Hà)	3 1	Toán (Dương) 	4 	GDKTPL (Thắm) CĐ GDKTPL (Thắm)	2 2
VH66B1	Chiều	Sinh hoạt lớp (Nhưng) Toán (Nhưng) Vật lý (Sơn)	1 1 2	Hoá (Doan) Lịch sử (Hà)	2 2	GDKTPL (Quế) CĐ GDKTPL (Quế)	2 2	Văn (Ngô Hà) Toán (Nhưng)	2 2	Địa lý (Thuý) Văn (Ngô Hà)	2 2
VH66B2	Chiều	Vật lý (Sơn) Toán (Nhưng) Sinh hoạt lớp (Nhưng)	2 1 1	Lịch sử (Hà) Hoá (Doan)	2 2	Toán (Nhưng)	4	GDKTPL (Đ.Thuý) Văn (Ngô Hà)	2 2	Văn (Ngô Hà) Địa lý (Thuý)	2 2
VH66B3 E301	Chiều	Sinh hoạt lớp (K.Nhung) Toán (Quỳnh)	1 3	Văn (Mai Anh) CĐ Văn (Mai Anh)	3 1	Địa lý (Phương) 	4	GDKTPL (Chính) CĐGDKTPL (Chính)	3 1	Hoá học (Vân)	4
VH66B4 E302	Chiều	Sinh hoạt lớp (Mạnh) Văn (Mai Anh)	1 3	Địa lý (Phương) Vật lý (Trung)	2 2	GDKTPL (Chính) CĐGDKTPL (Chính)	3 1	Lịch sử (Huyền) Hoá học (Vân)	2 2	Toán (Quảng)	4
VH66B5 B201	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) Văn (Thư)	1 3	Toán (Quảng)	4	Địa lý (Nga) Hoá (học (Vân)	2 2	Vật lý (Trung)	4	GDKTPL (Thắm) CĐGDKTPL (Thắm)	2 2
VH66B6 B202	Chiều	Sinh hoạt lớp (P. Nga) GDKTPL (P.Nga)	1 3	Địa lý (Lực) CĐGDKTPL (Nga)	2 2	Toán (Quỳnh)	4	Văn (Mai Anh) CĐ Văn (Mai Anh)	3 1	Địa lý (Lực) Vật lý (Trung)	2 2
VH66B7 B203	Chiều	Sinh hoạt lớp (Dương) Toán (Dương)	1 3	Vật lý (Trung) Sinh học (Hồng)	2 2	Văn (Thư) CĐ Văn (Thư)	3 1	GDKTPL (Thắm) CĐGDKTPL (Thắm)	2 2	Lịch sử (Dự) Địa lý (Phương)	2 2
VH66B8 B204	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hội) Vật lý (Trung)	1 3	Lịch sử (Dự) GDKTPL (Thắm)	2 2	Toán (Quảng)	4	Lịch sử (Dự) Văn (Thư)	2 2	Địa lý (Phương) Sinh học (Hồng)	2 2
VH66B9 B205	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hồng) Sinh học (Hồng)	1 3	Toán (Quỳnh)	4	Vật lý (Hoà) GDKTPL (Thắm)	2 2	Văn (Thư) Lịch sử (Huyền)	2 2	Văn (Thư) CĐ Vật lý (Hoà)	2 2
VH66B10 B103	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) Hoá học (Hà) CĐ Hoá (Hà)	1 2 1	Địa lý (Nga) Sinh học (Phượng)	2 2	Văn (Mai Anh) GDKTPL (Thuý)	2 2	Toán (Quảng)	4	Lịch Sử (Huyền) CĐ Sử (Huyền)	2 2
VH66B11 B104	Chiều	Sinh hoạt lớp (Quế) GDKTPL (Quế)	1 3	Văn (Thư) Địa lý (Phương)	2 2	Lịch sử (Huyền) CĐ Sử (Huyền)	2 2	Toán (Quỳnh) Hoá học (Hà)	2 2	Sinh học (Hồng) Văn (Thư)	2 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đoàn Văn Lưu